TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 8 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng Sơn
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Nguyễn Văn Phương.

Ông: Dương Đức Bản.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Thành Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 27/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2018, Thông báo mở lại phiên tòa số 47/TB-A ngày 08/8/2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ x, TDP y, phường Đ, TP. Đ, Quảng Bình. Nghề nghiệp và nơi làm việc: Nhân viên bán hàng - Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ H. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn D, sinh năm 1982.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ x, TDP y, phường Đ, TP. Đ, Quảng Bình. Nghề nghiệp: Lái xe. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn xin ly hôn đề ngày 17/01/2018, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Võ Văn D lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, TP. Đ vào ngày 06/10/2008. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó từ nhiều năm nay đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D không chịu tu chí làm ăn, cờ bạc, rượu chè

bê tha, đánh đập chị H. Chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh D không nghe, vẫn chứng nào tật đó không thay đổi bản thân, rất nhiều lần lừa dối đêm xe máy đi cầm cố để đánh bạc. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, không thể sống chung nên từ năm 2016 chị H đưa hai con về bên ngoại ở đến nay; vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể sống chung hạnh phúc, chị H xin ly hôn để yên ổn làm ăn nuôi con.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung: Võ Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/5/2011 và Võ Nguyễn Tiến M, sinh ngày 07/3/2014, hiện tại hai cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, đang ở với chị H. Nguyện vọng của chị H, sau khi ly hôn được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con, bản thân chị có đủ điều kiện để nuôi con, yêu cầu anh D đóng góp tiền nuôi con cùng chị mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/tháng/cháu) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị H khai vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Võ Văn D đến Toà để giải quyết việc chị H xin ly hôn nhưng anh D không gửi văn bàn ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án và không đến Toà theo giấy triệu tập. Chị H có yêu cầu Tòa án xác minh thu thập chứng cứ về việc anh D cố tình không đến Tòa để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại nơi anh D cư trú, Tổ trưởng Tổ dân phố y và Công an phường Đ đều xác nhận anh D hiện tại có hộ khẩu thường trú tại TDP y phường Đ, đang có mặt làm ăn sinh sống tại địa phương, không cắt tạm trú tạm vắng đi nơi khác. Toà án tiếp tục triệu tập và niêm yết thông báo yêu cầu anh D đến Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới để giải quyết việc chị H xin ly hôn nhưng anh D cũng cố tình trốn tránh không đến Tòa theo giấy triệu tập, Toà án không thể tiến hành hoà giải được.

*Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh D. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị H buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng/mỗi cháu cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H, đây là vụ án dân sự về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại phường Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã thông báo thụ lý vụ án cho anh Võ Văn D là bị đơn, nhưng anh D không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Toà án triệu tập hợp lệ anh D nhiều lần và đồng thời đã niêm yết thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên toà nhưng bị đơn đều cố tình không đến Toà để hoà giải đồng thời vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, được coi là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Võ Văn D xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Lẽ ra, anh chị phải biết thương yêu, chung thuỷ, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, mà cuộc sống chung của vợ chồng luôn xãy ra va chạm, mâu thuẩn. Nguyên nhân chủ yếu do anh D không chịu tu chí làm ăn, thiếu sự thông cảm chia sẽ trong đời sống vợ chồng ham chơi bời, từ đó vợ chồng xảy ra cải vã mâu thuẩn. Vợ chồng đã thực sự chấm dứt quan hệ và sống ly thân nhau đã 2 năm, không đi lại thăm nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau. Chị H thấy tình cảm không còn xin ly hôn nhưng anh D cũng không muốn níu kéo hôn nhân nên bỏ mặc, không đến Toà để được hoà giải. Điều đó thể hiện rằng mâu thuẩn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần phải cho chị H được ly hôn anh D là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H xin được trực tiếp nuôi hai con, yêu cầu anh D đóng góp cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, cháu Võ Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/5/2011 cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét nguyện vọng và điều kiện của chị H thấy rằng chị H có đủ điều kiện để nuôi hai con anh D không thể hiện nguyện vọng được trực tiếp nuôi

con. Cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con, anh D phải đóng góp tiền nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng là hoàn toàn phù hợp mức thu nhập phổ thông tại địa phương hiện nay và quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình .

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, anh Võ Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H, xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Võ Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H giao 02 cháu Võ Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/5/2011 và Võ Nguyễn Tiến M, sinh ngày 07/3/2014 cho chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh Võ Văn D phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2018 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, anh Võ Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Số tiền chị H phải nộp được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/0000390 ngày 25 tháng 01 năm 2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- UBND phường Đ,
- Các đương sự.
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Sơn